TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2024
V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2023/QĐXX-ST ngày 13 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn Chí T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1974; Nơi cư trú: Ấp BHT, xã TTHA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Phan Thị L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1975; Nơi cư trú: Ấp BHT, xã TTHA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 11 năm 2023, bản khai ngày 13 tháng 12 năm 2023 của nguyên đơn anh Trần Văn Chí T trình bày: Vào năm 2000, nhờ người mai mối nên hai bên gia đình tổ chức lễ cưới cho anh và chị Phan Thị L, sau khi cưới xong cả hai cùng nhau về sống chung nhà với gia đình vợ, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTHA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu hai vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm gia đình, thường xuyên cải nhau, sống chung không còn hạnh phúc, nên cả hai đã không còn sống chung từ năm 2012 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không hàn gắn tình cảm được nữa, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Phan Thị L. Về con chung: Anh thống nhất giao 02 con chung Trần Thị Huyền D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2006 và Trần Văn Chí N, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2011 cho Phan Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu Trần Chí T1, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2003 đã trưởng thành, tự lo cuộc sống cho bản thân được, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Phan Thị L đã được Toà án triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Trần Văn Chí T được ly hôn với chị Phan Thị L; về nuôi con chung: Giao con chung 02 con chung Trần Thị Huyền D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2006 và Trần Văn Chí N, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2011 cho Phan Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L chưa có yêu cầu; đối với cháu Trần Chí T1, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2003 đã trưởng thành, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Văn Chí T trình bày không có, còn chị Phan Thị L không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn anh Trần Văn Chí T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Phan Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Trần Văn Chí T và chị Phan Thị L là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn Chí T đối với chị Phan Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của anh Trần Văn Chí T thì cuộc sống của anh và chị Phan Thị L không hạnh phúc từ năm 2012 do hai vợ chồng mâu thuẫn về tình cảm gia đình, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cải nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của anh T với chị L hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho anh Trần Văn Chí T ly hôn với chị Phan Thị L.

[4] Về việc nuôi con chung: Anh Trần Văn Chí T thống nhất giao 02 con chung Trần Thị Huyền D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2006 và Trần Văn Chí N, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2011 cho Phan Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh T và chị L không còn sống chung và hiện nay thì 02 con chung do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L chưa có văn bản ghi ý kiến để Tòa án xem xét, nếu chị L có yêu cầu thì chị được quyền khởi kiện bằng một

vụ án dân sự khác và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Đối với cháu Trần Chí T1, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2003 đã trưởng thành, tự lo cuộc sống cho bản thân được, nên không đặt ra để xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Văn Chí T cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn chị Phan Thị L không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 229, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Chí T, cho ly hôn giữa anh Trần Văn Chí T và chị Phan Thị L.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Chị Phan Thị L được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung Trần Thị Huyền D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2006 và Trần Văn Chí N, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2011.

2.2. Anh Trần Văn Chí T không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Văn Chí T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004535 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND X.TTHA, H.HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng